

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công ngày 16 tháng 4 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 385/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công, địa chỉ tại thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Thành Công tại thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Thành Công.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành

viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0800280476 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/3/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 13, ngày 15/3/2024; Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Thành Công (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Tân Đô).

1.4. Mã số thuế: 0800280476.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm các loại; cho thuê nhà xưởng; cho thuê văn phòng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Diện tích đất sử dụng: 20.721 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: Chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm các loại: 12.000 tấn/năm; cho thuê nhà xưởng với diện tích cho thuê: 5.650 m²; cho thuê văn phòng với diện tích cho thuê: 313 m².

- Quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại giấy phép môi trường này:

+ Quy trình chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm dạng viên:

Nguyên liệu → hệ thống sàng → thùng nam châm làm sạch → máy nghiền, trộn, lắng → si lô chứa liệu → sản phẩm dạng bột → đóng bao → nhập kho.

+ Quy trình chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm dạng bột:

Nguyên liệu → hệ thống sàng → thùng nam châm làm sạch → máy nghiền, trộn, lắng → si lô chứa liệu → máy ép viên → buồng lạnh → buồng lắng → sàng phân loại → đóng bao → nhập kho.

+ Cho thuê nhà xưởng, văn phòng: Nhà xưởng, văn phòng không sử dụng → cho thuê.

+ Quy trình bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày được cấp phép đến ngày 05 tháng 7 năm 2032.

Giấy xác nhận số 225/GXN-STNMT ngày 10/12/2013 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Tân Đô tại khu công nghiệp Lai Cách, huyện Cẩm Giàng của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thành Công hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Cẩm Giàng tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép

môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- Trung tâm CNTT&HN - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1596/GPMT-UBND

ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách do Công ty TNHH Đại Dương là Công ty đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Lai Cách).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước thải phát sinh từ bếp ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ, sau đó cùng nước thải vệ sinh theo hệ thống cống HDPE D200, dài 136 m, độ dốc 0,2% qua 03 hố ga tự chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách.

b) Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi (tần suất xả cặn 01 tháng/lần) sau khi qua bể lắng và nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi (tần suất xả 1 tháng/lần) theo hệ thống cống HDPE D200, dài 100 m, độ dốc 0,2% qua 02 hố ga tự chảy vào hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách.

Nhà máy có 01 điểm đầu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của KCN Lai Cách. Tại điểm đầu nối, nước thải của dự án thoát theo đường ống HDPE D200 đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách.

- Dung tích thiết kế: Bể tự hoại khu nhà văn phòng: 4m³; bể tự hoại nhà vệ sinh chung: 6m³.

b) Công trình xử lý sơ bộ nước thải nhà bếp

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải nhà bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách.

- Dung tích thiết kế bể tách mỡ: 2m³.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

- Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi (tần suất xả cặn 01 tháng/lần) → Bể lắng → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách.

+ Dung tích thiết kế bể lắng nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi: 3m³.

- Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò hơi (tần suất xả cặn 01 tháng/lần) → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Lai Cách.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải không phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn đầu vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lai Cách.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đầu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Lai Cách theo đúng quy định của pháp luật.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.4. Trong quá trình xả thải vào hệ thống thu gom nước thải khu công nghiệp Lai Cách nếu có sự cố bất thường, phải báo cáo kịp thời về Công ty TNHH Đại Dương để có biện pháp xử lý.

3.5. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu công nghiệp Lai Cách.

Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1596/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

01 nguồn phát sinh: Ống thải hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: Ống thải hệ thống xử lý bụi và khí thải lò hơi, công suất 5.000 m³/h.

2.2. Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°30', vĩ độ 30°)

$$X(m) = 2316037; Y(m) = 579274.$$

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/h.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn từ 8-16h/ngày.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT mức B với Kp = 1,0; Kv = 1,0) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	1000		
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
4	SO ₂	mg/Nm ³	500		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải.

Khí thải lò hơi được dẫn vào cyclon để thu bụi bằng quạt hút (Motor quạt hút có công suất quạt 5,5 kW, lưu lượng 5.000m³/h). Tại cyclon, các hạt bụi có kích thước lớn sẽ được giữ lại. Dòng khí thải sau khi qua cyclon theo quạt hút được dẫn vào bể chứa nước để dập bụi (kích thước: 1,5m × 1,5m × 2m). Khí sạch sau xử lý được thoát ra ngoài qua ống khói (Cao 12,5m, kích thước Φ660mm, bằng thép sơn chống gỉ).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → Cyclon → Quạt hút → Bể nước dập bụi → Ống thoát khí.

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống:

+ Quạt hút (1 cái): Lưu lượng: 5.000 m³/h; Công suất: 5,5 kW; Điện áp: 380V/50Hz.

+ Bể chứa nước dập bụi (1 cái): Kích thước: 1,5m×1,5m×2m.

+ Ngăn bể phụ để vệ sinh tro bùn (1 cái): Kích thước: 1,2m×0,8m×1,25m.

+ Ống khói (1 cái): Cao 12,5m, kích thước Φ660mm, bằng thép sơn chống gỉ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước sạch.

1.3. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Xây dựng quy trình vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải và vận hành hệ thống theo quy trình.

+ Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị định kỳ hàng năm.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống, bơm, van vòi khóa, các thiết bị xử lý, quạt hút.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi bị hỏng.

- Biện pháp khắc phục sự cố:

+ Công nhân vận hành hệ thống ngắt cầu dao để các thiết bị sử dụng điện như máy bơm, quạt hút dừng hoạt động.

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

- + Thay thế các chi tiết, phụ tùng bị hỏng hóc (trường hợp hỏng hóc nhẹ).
- + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố (trường hợp hỏng hóc nặng).
- + Xác định chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý khí thải của Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải của Cơ sở.

3.3. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thành Công chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục III
ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1596/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn phát sinh.

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất.
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰.

- Nguồn số 1: X(m) = 2316051; Y(m) = 579262.
- Nguồn số 2: X(m) = 2316037; Y(m) = 579274.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt ở chân của thiết bị, lò xo giảm xóc cho các thiết bị, máy móc có độ ồn lớn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ ăn mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn định kỳ.
- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: Quần áo bảo hộ lao động, giày, mũ, găng tay, kính mắt, khẩu trang, bịt tai chống ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục IV
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1596/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06	NH
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	20	17 02 03	NH
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	20	18 01 01	KS
5	Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	25	18 02 01	KS
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	Rắn	35	18 01 02	KS
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	25	18 01 03	KS
	Tổng		145		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bao bì nguyên liệu hỏng, palet gỗ hỏng	Rắn	1.000	18 01 05 18 01 06	TT-R
2	Tro bụi đốt củi từ quá trình hoạt động của lò hơi	Rắn	4.000	12 01 12	TT
3	Cặn xả đáy nồi hơi, bùn thải từ bể dập bụi lò hơi	Rắn	612	04 02 06	TT
4	Sản phẩm lỗi, hỏng	Rắn	1.650	19 03 04	TT-R

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
5	Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại, hồ ga lắng cặn	Rắn/bùn	2.000	12 06 13	TT
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước.	Bùn	1.000	12 06 11	TT
7	Mực in thải	Rắn	5	08 02 06	TT
8	Hộp mực in thải	Rắn	2	08 02 08	TT
	Tổng		10.269		

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 4,68 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 07 thùng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dung tích mỗi thùng 50-200 lít, có kí hiệu cảnh báo nguy hiểm, hình ảnh và tên các loại chất thải nguy hại.

- Khu lưu chứa chất thải nguy hại: Kho lều chứa CTNH diện tích 15 m². Kết cấu tường vây tôn, mái lợp tôn, nền bê tông chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát, nền cao, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dung tích mỗi thùng 50-200 lít.

- Kho lều chứa CTR công nghiệp thông thường: Diện tích 50 m², được vây tôn xung quanh, nền bê tông chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát, nền cao, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo chất thải công nghiệp.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt

Thùng chứa bằng nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích 10-60 lít/thùng tại các vị trí phát sinh chất thải như nhà ăn, nhà văn phòng, xưởng sản xuất, xung quanh sân đường; Khu vực tập trung rác thải sinh hoạt phía ngoài cổng công ty.

Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục V

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1596/GPMT-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.